

**KINH PHÍ CẤP BÙ HỌC PHÍ DO GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2021-2022 (THÁNG 11/2021)**

Theo Nghị Quyết số 17/2021/HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021 Hội đồng nhân dân TP Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 287/QĐ-THCSTLH, ngày 07/10/2022
của Hiệu trưởng Trường THCS Trung Lập Hạ)

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Tuấn Khanh	6A1	30.000	1	30.000	
2	Nguyễn Sĩ Bình	6A1	30.000	1	30.000	
3	Trần Văn Cao	6A1	30.000	1	30.000	
4	Võ Thành Danh	6A1	30.000	1	30.000	
5	Trần Gia Hân	6A1	30.000	1	30.000	
6	Huỳnh Gia Huy	6A1	30.000	1	30.000	
7	Nguyễn Gia Huy	6A1	30.000	1	30.000	
8	Ngô Tuấn Khang	6A1	30.000	1	30.000	
9	Trần Thy Mỹ Khanh	6A1	30.000	1	30.000	
10	Lê Thị Trúc Ly	6A1	30.000	1	30.000	
11	Nguyễn Phạm Xuân Mai	6A1	30.000	1	30.000	
12	Bùi Công Mẫn	6A1	30.000	1	30.000	
13	Phạm Thị Trà My	6A1	30.000	1	30.000	
14	Danh Nguyễn Thanh Ngọc	6A1	30.000	1	30.000	
15	Hoàng Bảo Ngọc	6A1	30.000	1	30.000	
16	Lê Thị Yến Nhi	6A1	30.000	1	30.000	
17	Tô Văn Phúc	6A1	30.000	1	30.000	
18	Phan Trung Sơn	6A1	30.000	1	30.000	
19	Võ Văn Tài	6A1	30.000	1	30.000	
20	Lê Mộng Thi	6A1	30.000	1	30.000	
21	Nguyễn Bảo Thiên	6A1	30.000	1	30.000	
22	Lâm Đức Thiện	6A1	30.000	1	30.000	
23	Nguyễn Ngọc Thuận	6A1	30.000	1	30.000	
24	Nguyễn Thị Kim Thùy	6A1	30.000	1	30.000	
25	Đặng Hoàng Anh Thư	6A1	30.000	1	30.000	
26	Nguyễn Thanh Hoài Thương	6A1	30.000	1	30.000	
27	Phan Văn Toàn	6A1	30.000	1	30.000	
28	Dương Lê Bảo Trân	6A1	30.000	1	30.000	
29	Dương Phi Trường	6A1	30.000	1	30.000	
30	Trần Quốc Tuấn	6A1	30.000	1	30.000	
31	Ngô Phương Uyên	6A1	30.000	1	30.000	
32	Võ Tú Uyên	6A1	30.000	1	30.000	
33	Trần Như Ý	6A1	30.000	1	30.000	
34	Võ Phúc Thiện	6A1	30.000	1	30.000	
35	Nguyễn Tuấn Anh	6A2	30.000	1	30.000	
36	Tô Thế Đạt	6A2	30.000	1	30.000	
37	Phan Nguyễn Quốc Hào	6A2	30.000	1	30.000	
38	Dương Gia Hân	6A2	30.000	1	30.000	
39	Nguyễn Văn Hậu	6A2	30.000	1	30.000	
40	Nguyễn Hồ Nhật Huy	6A2	30.000	1	30.000	
41	Lê Trọng Khiêm	6A2	30.000	1	30.000	
42	Nguyễn Nhật Anh Khoa	6A2	30.000	1	30.000	

HUYỆN C
TRƯỜNG
THCS
TRUNG LẬP HẠ

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
43	Trần Gia Lạc	6A2	30.000	1	30.000	
44	Trịnh Hoàng Lâm	6A2	30.000	1	30.000	
45	Đặng Trúc Linh	6A2	30.000	1	30.000	
46	Ngô Thùy Linh	6A2	30.000	1	30.000	
47	Trương Trần Hải My	6A2	30.000	1	30.000	
48	Tổng Ngọc Bảo Nam	6A2	30.000	1	30.000	
49	Nguyễn Thị Kim Ngân	6A2	30.000	1	30.000	
50	Nguyễn Hồng Ngọc	6A2	30.000	1	30.000	
51	Nguyễn Thiên Ngọc	6A2	30.000	1	30.000	
52	Cao Trọng Nhân	6A2	30.000	1	30.000	
53	Hồ Phạm Quỳnh Như	6A2	30.000	1	30.000	
54	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	6A2	30.000	1	30.000	
55	Nguyễn Minh Phát	6A2	30.000	1	30.000	
56	Nguyễn Thanh Phương	6A2	30.000	1	30.000	
57	Lê Minh Tâm	6A2	30.000	1	30.000	
58	Vũ Ngọc Anh Thy	6A2	30.000	1	30.000	
59	Nguyễn Bùi Mỹ Tiên	6A2	30.000	1	30.000	
60	Huỳnh Minh Tiến	6A2	30.000	1	30.000	
61	Nguyễn Thị Ánh Trúc	6A2	30.000	1	30.000	
62	Cao Cẩm Tú	6A2	30.000	1	30.000	
63	Phan Võ Cẩm Vân	6A2	30.000	1	30.000	
64	Nguyễn Thanh Như Ý	6A2	30.000	1	30.000	
65	Trần Phạm Minh Trương	6A2	30.000	1	30.000	
66	Nguyễn Mai Lan Anh	6A2	30.000	1	30.000	
67	Nguyễn Tuấn Anh	6A3	30.000	1	30.000	
68	Võ Nguyễn Quốc Anh	6A3	30.000	1	30.000	
69	Phan Tuấn Dũng	6A3	30.000	1	30.000	
70	Nguyễn Hồng Đào	6A3	30.000	1	30.000	
71	Lê Quốc Đạt	6A3	30.000	1	30.000	
72	Nguyễn Hoàng Đô	6A3	30.000	1	30.000	
73	Nguyễn Văn Hải	6A3	30.000	1	30.000	
74	Nguyễn Lê Huy Hoàng	6A3	30.000	1	30.000	
75	Võ Lê Anh Khoa	6A3	30.000	1	30.000	
76	Phạm Thị Tuyết Lan	6A3	30.000	1	30.000	
77	Bùi Tấn Lượng	6A3	30.000	1	30.000	
78	Phùng Quang Mạnh	6A3	30.000	1	30.000	
79	Hồ Duy Mạnh	6A3	30.000	1	30.000	
80	Thái Vũ Na	6A3	30.000	1	30.000	
81	Huỳnh Cẩm Ngân	6A3	30.000	1	30.000	
82	Đặng Vũ Hiếu Nghĩa	6A3	30.000	1	30.000	
83	Trần Hồng Ngọc	6A3	30.000	1	30.000	
84	Nguyễn Lê Nguyên	6A3	30.000	1	30.000	
85	Lê Hoàng Oanh	6A3	30.000	1	30.000	
86	Lương Hoàng Phát	6A3	30.000	1	30.000	
87	Trần Tuấn Phát	6A3	30.000	1	30.000	
88	Nguyễn Thị Như Quỳnh	6A3	30.000	1	30.000	
89	Nguyễn Đức Tài	6A3	30.000	1	30.000	
90	Huỳnh Phạm Phương Thảo	6A3	30.000	1	30.000	
91	Hà Tấn Thịnh	6A3	30.000	1	30.000	
92	Nguyễn Quốc Thịnh	6A3	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
93	Phan Cao Toàn	6A3	30.000	1	30.000	
94	Nguyễn Bình Phương Trà	6A3	30.000	1	30.000	
95	Phùng Mai Trang	6A3	30.000	1	30.000	
96	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	6A3	30.000	1	30.000	
97	Bùi Minh Trọng	6A3	30.000	1	30.000	
98	Trần Bảo Trúc	6A3	30.000	1	30.000	
99	Võ Thị Thảo Vy	6A3	30.000	1	30.000	
100	Nguyễn Lê Như Ý	6A3	30.000	1	30.000	
101	Tạ Kim Yến	6A3	30.000	1	30.000	
102	Huỳnh Thị Trâm Anh	6A4	30.000	1	30.000	
103	Huỳnh Trần Gia Bảo	6A4	30.000	1	30.000	
104	Bùi Kim Dũng	6A4	30.000	1	30.000	
105	Nguyễn Tân Duy	6A4	30.000	1	30.000	
106	Phan Bảo Duy	6A4	30.000	1	30.000	
107	Trần Tấn Dương	6A4	30.000	1	30.000	
108	Nguyễn Bảo Đăng	6A4	30.000	1	30.000	
109	Phạm Minh Đức	6A4	30.000	1	30.000	
110	Võ Nguyễn Gia Hân	6A4	30.000	1	30.000	
111	Trần Thanh Hiền	6A4	30.000	1	30.000	
112	Nguyễn Hoài Hoàng	6A4	30.000	1	30.000	
113	Cao Gia Huy	6A4	30.000	1	30.000	
114	Nguyễn Bảo Huy	6A4	30.000	1	30.000	
115	Nguyễn Phúc Khang	6A4	30.000	1	30.000	
116	Trương Quang Kiệt	6A4	30.000	1	30.000	
117	Phạm Phương Linh	6A4	30.000	1	30.000	
118	Nguyễn Hoàng Phi Long	6A4	30.000	1	30.000	
119	Bùi Thị Trúc Ly	6A4	30.000	1	30.000	
120	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	6A4	30.000	1	30.000	
121	Trần Nguyễn Bảo Nghi	6A4	30.000	1	30.000	
122	Nguyễn Quốc Nguyên	6A4	30.000	1	30.000	
123	Lê Trần Phương Nhi	6A4	30.000	1	30.000	
124	Cao Huỳnh Yến Như	6A4	30.000	1	30.000	
125	Trần Tuấn Tài	6A4	30.000	1	30.000	
126	Nguyễn Đăng Minh Tâm	6A4	30.000	1	30.000	
127	Lê Thị Phương Thảo	6A4	30.000	1	30.000	
128	Nguyễn Chí Thiện	6A4	30.000	1	30.000	
129	Nguyễn Hoài Thương	6A4	30.000	1	30.000	
130	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	6A4	30.000	1	30.000	
131	Phạm Thị Thanh Trúc	6A4	30.000	1	30.000	
132	Thạch Minh Tuấn	6A4	30.000	1	30.000	
133	Võ Đặng Anh Ứng	6A4	30.000	1	30.000	
134	Cao Kiều Ý	6A4	30.000	1	30.000	
135	Huỳnh Đức Lĩnh	6A4	30.000	1	30.000	
	Cộng khối 6 (135 hs)				4.050.000	
1	Huỳnh Thị Thảo Anh	7A1	30.000	1	30.000	
2	Phạm Trâm Anh	7A1	30.000	1	30.000	
3	Phan Bảo Anh	7A1	30.000	1	30.000	
4	Phạm Quỳnh Anh	7A1	30.000	1	30.000	
5	Trần Thị Kim Anh	7A1	30.000	1	30.000	
6	Trương Lê Phương Anh	7A1	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
7	Bùi Xuân Bắc	7A1	30.000	1	30.000	
8	Nguyễn Quốc Đăng	7A1	30.000	1	30.000	
9	Bùi Nguyễn Đức Hậu	7A1	30.000	1	30.000	
10	Nguyễn Duy Khang	7A1	30.000	1	30.000	
11	Cao Gia Khánh	7A1	30.000	1	30.000	
12	Nguyễn Gia Khiêm	7A1	30.000	1	30.000	
13	Phạm Nguyễn Đăng Khiêm	7A1	30.000	1	30.000	
14	Hồ Đăng Khôi	7A1	30.000	1	30.000	
15	Võ Trung Kiên	7A1	30.000	1	30.000	
16	Phan Thị Ngọc Kim	7A1	30.000	1	30.000	
17	Đặng Hoàng Lan	7A1	30.000	1	30.000	
18	Lê Ngọc Thủy Linh	7A1	30.000	1	30.000	
19	Lưu Khánh Linh	7A1	30.000	1	30.000	
20	Phạm Phú Lộc	7A1	30.000	1	30.000	
21	Nguyễn Hoa Thiên Lý	7A1	30.000	1	30.000	
22	Trần Hà Mi	7A1	30.000	1	30.000	
23	Hồ Thanh Minh	7A1	30.000	1	30.000	
24	Nguyễn Hoàng Khải Minh	7A1	30.000	1	30.000	
25	Nguyễn Khoa Nam	7A1	30.000	1	30.000	
26	Phạm Thị Tuyết Ngân	7A1	30.000	1	30.000	
27	Bùi Lê Bảo Ngọc	7A1	30.000	1	30.000	
28	Nguyễn Bảo Ngọc	7A1	30.000	1	30.000	
29	Nguyễn Lê Yến Ny	7A1	30.000	1	30.000	
30	Lê Nguyễn Tấn Phát	7A1	30.000	1	30.000	
31	Nguyễn Kim Phụng	7A1	30.000	1	30.000	
32	Trần Thanh Sơn	7A1	30.000	1	30.000	
33	Lê Văn Tài	7A1	30.000	1	30.000	
34	Hỷ Hoàng Thanh Thảo	7A1	30.000	1	30.000	
35	Nguyễn Minh Thắng	7A1	30.000	1	30.000	
36	Đặng Thị Mỹ Tú	7A1	30.000	1	30.000	
37	Đỗ Quốc Tuấn	7A1	30.000	1	30.000	
38	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	7A1	30.000	1	30.000	
39	Võ Bình Vĩ	7A1	30.000	1	30.000	
40	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	7A1	30.000	1	30.000	
41	Nguyễn Trúc Vy	7A1	30.000	1	30.000	
42	Nguyễn Thị Như Ý	7A1	30.000	1	30.000	
43	Bùi Thị Mai Ngà	7A1	30.000	1	30.000	
44	Trần Phạm Hoàng Phương Anh	7A1	30.000	1	30.000	
45	Nguyễn Đoàn Việt Ái	7A2	30.000	1	30.000	
46	Lê Quốc Anh	7A2	30.000	1	30.000	
47	Nguyễn Lê Minh Anh	7A2	30.000	1	30.000	
48	Phan Việt Anh	7A2	30.000	1	30.000	
49	Quách Thành Anh	7A2	30.000	1	30.000	
50	Trần Ngọc Trâm Anh	7A2	30.000	1	30.000	
51	Lê Bảo Châu	7A2	30.000	1	30.000	
52	Dương Phi Cơ	7A2	30.000	1	30.000	
53	Nguyễn Quang Dũng	7A2	30.000	1	30.000	
54	Ngô Mỹ Duyên	7A2	30.000	1	30.000	
55	Lữ Nhật Hào	7A2	30.000	1	30.000	
56	Đường Thị Gia Hân	7A2	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
57	Phạm Gia Hân	7A2	30.000	1	30.000	
58	Dương Khắc Huy	7A2	30.000	1	30.000	
59	Võ Hoàng Duy Kha	7A2	30.000	1	30.000	
60	Phạm Gia Khiêm	7A2	30.000	1	30.000	
61	Nguyễn Huỳnh Anh Kiệt	7A2	30.000	1	30.000	
62	Quách Nam Kỳ	7A2	30.000	1	30.000	
63	Phan Đỗ Xuân Lan	7A2	30.000	1	30.000	
64	Đặng Ngọc Hà My	7A2	30.000	1	30.000	
65	Lê Nhật Nam	7A2	30.000	1	30.000	
66	Nguyễn Ngọc Ngân	7A2	30.000	1	30.000	
67	Đỗ Xuân Nghi	7A2	30.000	1	30.000	
68	Trần Bảo Nghi	7A2	30.000	1	30.000	
69	Lê Nguyễn Kim Ngọc	7A2	30.000	1	30.000	
70	Võ Thị Ngọc	7A2	30.000	1	30.000	
71	Đinh Thiện Nhân	7A2	30.000	1	30.000	
72	Mai Hữu Nhân	7A2	30.000	1	30.000	
73	Trần Trọng Nhân	7A2	30.000	1	30.000	
74	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	7A2	30.000	1	30.000	
75	Phạm Tâm Như	7A2	30.000	1	30.000	
76	Võ Phan Ngọc Như	7A2	30.000	1	30.000	
77	Lê Nguyễn Phú	7A2	30.000	1	30.000	
78	Đoàn Phương Quyên	7A2	30.000	1	30.000	
79	Phạm Thị Thanh Thảo	7A2	30.000	1	30.000	
80	Wang Truyền Thắng	7A2	30.000	1	30.000	
81	Trần Minh Thuận	7A2	30.000	1	30.000	
82	Nguyễn Phạm Thanh Thúy	7A2	30.000	1	30.000	
83	Nguyễn Ngọc Trinh	7A2	30.000	1	30.000	
84	Phạm Thành Trung	7A2	30.000	1	30.000	
85	Hoàng Thị Hồng Vân	7A2	30.000	1	30.000	
86	Võ Phương Vy	7A2	30.000	1	30.000	
87	Võ Thanh Vy	7A2	30.000	1	30.000	
88	Nguyễn Ánh Minh Xuân	7A2	30.000	1	30.000	
89	Đỗ Lê Hoàng Anh	7A3	30.000	1	30.000	
90	Đỗ Lê Hồng Anh	7A3	30.000	1	30.000	
91	Hà Phương Anh	7A3	30.000	1	30.000	
92	Trần Hồ Hoàng Anh	7A3	30.000	1	30.000	
93	Trần Ngọc Thùy Anh	7A3	30.000	1	30.000	
94	Vũ Thị Lan Anh	7A3	30.000	1	30.000	
95	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7A3	30.000	1	30.000	
96	Trần Thị Khánh Băng	7A3	30.000	1	30.000	
97	Trần Cao Lê Dũng	7A3	30.000	1	30.000	
98	Lê Tiên Đạt	7A3	30.000	1	30.000	
99	Trần Nguyễn Hoàng Hải	7A3	30.000	1	30.000	
100	Lê Đình Quang Hiến	7A3	30.000	1	30.000	
101	Lê Huỳnh Khánh Huy	7A3	30.000	1	30.000	
102	Bùi Trần Đăng Khoa	7A3	30.000	1	30.000	
103	Trần Nhật Khoa	7A3	30.000	1	30.000	
104	Nguyễn Anh Khôi	7A3	30.000	1	30.000	
105	Trần Phạm Đăng Khôi	7A3	30.000	1	30.000	
106	Hồ Đăng Khương	7A3	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
107	Nguyễn Lê Hà Mi	7A3	30.000	1	30.000	
108	Nguyễn Nhật Minh	7A3	30.000	1	30.000	
109	Nguyễn Trần Tiến Minh	7A3	30.000	1	30.000	
110	Phạm Thị Kiều My	7A3	30.000	1	30.000	
111	Phạm Thị Tuyết Ngân	7A3	30.000	1	30.000	
112	Nguyễn Lê Minh Ngọc	7A3	30.000	1	30.000	
113	Phạm Nguyễn Khánh Ngọc	7A3	30.000	1	30.000	
114	Nguyễn Huỳnh Thanh Nhã	7A3	30.000	1	30.000	
115	Nguyễn Lê Tuyết Nhi	7A3	30.000	1	30.000	
116	Nguyễn Bảo Như	7A3	30.000	1	30.000	
117	Mã Đại Quang	7A3	30.000	1	30.000	
118	Nguyễn Thị Nhã Quyên	7A3	30.000	1	30.000	
119	Trần Lê Quỳnh	7A3	30.000	1	30.000	
120	Nguyễn Diệp Thanh	7A3	30.000	1	30.000	
121	Nguyễn Minh Thành	7A3	30.000	1	30.000	
122	Nguyễn Văn Thoại	7A3	30.000	1	30.000	
123	Nguyễn Thị Minh Thư	7A3	30.000	1	30.000	
124	Dương Thị Thùy Tiên	7A3	30.000	1	30.000	
125	Huỳnh Nguyễn Thủy Tiên	7A3	30.000	1	30.000	
126	Nguyễn Hoàng Minh Tiến	7A3	30.000	1	30.000	
127	Lê Phạm Ngọc Trâm	7A3	30.000	1	30.000	
128	Võ Nguyễn Huyền Trân	7A3	30.000	1	30.000	
129	Vũ Thiên Tú	7A3	30.000	1	30.000	
130	Cao Thành Đạt	7A3	30.000	1	30.000	
131	Huỳnh Tuấn Anh	7A4	30.000	1	30.000	
132	Nguyễn Trần Phương Anh	7A4	30.000	1	30.000	
133	Phạm Ngọc Anh	7A4	30.000	1	30.000	
134	Trần Thanh Bình	7A4	30.000	1	30.000	
135	Đỗ Thành Công	7A4	30.000	1	30.000	
136	Đoàn Minh Duy	7A4	30.000	1	30.000	
137	Hà Bảo Duy	7A4	30.000	1	30.000	
138	Võ Trần Hoàng Duy	7A4	30.000	1	30.000	
139	Nguyễn Phúc Đạt	7A4	30.000	1	30.000	
140	Quách Thị Tâm Đoan	7A4	30.000	1	30.000	
141	Võ Chí Hiếu	7A4	30.000	1	30.000	
142	Trần Đăng Khoa	7A4	30.000	1	30.000	
143	Lê Hoài Anh Khôi	7A4	30.000	1	30.000	
144	Lê Anh Kiệt	7A4	30.000	1	30.000	
145	Huỳnh Ngọc Tường Lam	7A4	30.000	1	30.000	
146	Trần Quốc Liễu	7A4	30.000	1	30.000	
147	Lê Hoàng Khánh Linh	7A4	30.000	1	30.000	
148	Phạm Hoàng Long	7A4	30.000	1	30.000	
149	Trần Hiền Mai	7A4	30.000	1	30.000	
150	Ngô Thị Trà My	7A4	30.000	1	30.000	
151	Trần Lê Hải Nam	7A4	30.000	1	30.000	
152	Nguyễn Thúy Nga	7A4	30.000	1	30.000	
153	Bùi Phương Nghi	7A4	30.000	1	30.000	
154	Trần Đoàn Phương Nghi	7A4	30.000	1	30.000	
155	Trần Huỳnh Thảo Ngọc	7A4	30.000	1	30.000	
156	Bùi Lê Trọng Nhân	7A4	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
157	Trần Minh Nhật	7A4	30.000	1	30.000	
158	Lê Đức Phát	7A4	30.000	1	30.000	
159	Kiên Thị Hồng Phúc	7A4	30.000	1	30.000	
160	Nguyễn Đông Quân	7A4	30.000	1	30.000	
161	Lê Thị Ngọc Quyên	7A4	30.000	1	30.000	
162	Huỳnh Văn Tài	7A4	30.000	1	30.000	
163	Trần Thị Thanh Thảo	7A4	30.000	1	30.000	
164	Lê Đức Thịnh	7A4	30.000	1	30.000	
165	Đoàn Trung Tiến	7A4	30.000	1	30.000	
166	Nguyễn Hoàng Thiên Toàn	7A4	30.000	1	30.000	
167	Nguyễn Ngọc Thảo Trâm	7A4	30.000	1	30.000	
168	Lê Minh Trí	7A4	30.000	1	30.000	
169	Lê Phan Minh Triết	7A4	30.000	1	30.000	
170	Lê Nguyễn Thảo Vy	7A4	30.000	1	30.000	
171	Lê Võ Phương Vy	7A4	30.000	1	30.000	
172	Nguyễn Diệp Tường Vy	7A4	30.000	1	30.000	
173	Nguyễn Trần Tường Vy	7A4	30.000	1	30.000	
174	Hồ Hải Yên	7A4	30.000	1	30.000	
175	Dương Văn Như Thanh	7A4	30.000	1	30.000	
	Cộng khối 7 (175 hs)				5.250.000	
1	Dương Ngọc Thúy An	8A1	30.000	1	30.000	
2	Nguyễn Hoài Anh	8A1	30.000	1	30.000	
3	Cao Quốc Bảo	8A1	30.000	1	30.000	
4	Chu Thái Bảo	8A1	30.000	1	30.000	
5	Ngô Văn Bình	8A1	30.000	1	30.000	
6	Bùi Thị Mỹ Diệu	8A1	30.000	1	30.000	
7	Phạm Chí Dũng	8A1	30.000	1	30.000	
8	Nguyễn Thành Đạt	8A1	30.000	1	30.000	
9	Trần Mạnh Đạt	8A1	30.000	1	30.000	
10	Nguyễn Hương Giang	8A1	30.000	1	30.000	
11	Lê Nhật Hào	8A1	30.000	1	30.000	
12	Nguyễn Bình Phương Hạo	8A1	30.000	1	30.000	
13	Trần Duy Hiếu	8A1	30.000	1	30.000	
14	Nguyễn Mỹ Hoàng	8A1	30.000	1	30.000	
15	Trần Thị Cẩm Hồng	8A1	30.000	1	30.000	
16	Thái Huỳnh Quốc Khang	8A1	30.000	1	30.000	
17	Dương Gia Kiệt	8A1	30.000	1	30.000	
18	Võ Nguyễn Anh Kiệt	8A1	30.000	1	30.000	
19	Trịnh Ngọc Linh	8A1	30.000	1	30.000	
20	Giáp Anh Mỹ	8A1	30.000	1	30.000	
21	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	8A1	30.000	1	30.000	
22	Nguyễn Thị Yến Nhi	8A1	30.000	1	30.000	
23	Nguyễn Tuyết Nhi	8A1	30.000	1	30.000	
24	Nguyễn Huỳnh Ninh	8A1	30.000	1	30.000	
25	Trần Hoàng Phúc	8A1	30.000	1	30.000	
26	Trần Thanh Phúc	8A1	30.000	1	30.000	
27	Trần Nguyễn Minh Quân	8A1	30.000	1	30.000	
28	Trần Đình Quốc	8A1	30.000	1	30.000	
29	Phạm Thị Yến Quỳnh	8A1	30.000	1	30.000	
30	Nguyễn Trương Tấn Sang	8A1	30.000	1	30.000	



STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
31	Nguyễn Tấn Tài	8A1	30.000	1	30.000	
32	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	8A1	30.000	1	30.000	
33	Phạm Thị Xuân Thùy	8A1	30.000	1	30.000	
34	Lại Nguyễn Ngọc Thùy	8A1	30.000	1	30.000	
35	Huỳnh Anh Thư	8A1	30.000	1	30.000	
36	Trần Ngọc Anh Thư	8A1	30.000	1	30.000	
37	Thái Nhật Tính	8A1	30.000	1	30.000	
38	Lê Ngọc Phương Trang	8A1	30.000	1	30.000	
39	Nguyễn Tuấn Tú	8A1	30.000	1	30.000	
40	Nguyễn Phúc Vĩnh Tuệ	8A1	30.000	1	30.000	
41	Nguyễn Ái Vi	8A1	30.000	1	30.000	
42	Nguyễn Ngọc Yến Vy	8A1	30.000	1	30.000	
43	Trần Nguyễn Yến Vy	8A1	30.000	1	30.000	
44	Nguyễn Ngọc Kim Xuân	8A1	30.000	1	30.000	
45	Đào Huỳnh Trâm Anh	8A2	30.000	1	30.000	
46	Nguyễn Thị Kim Anh	8A2	30.000	1	30.000	
47	Tô Hữu Bằng	8A2	30.000	1	30.000	
48	Nguyễn Quốc Bình	8A2	30.000	1	30.000	
49	Ngô Tăng Phương Du	8A2	30.000	1	30.000	
50	Huỳnh Trung Dũng	8A2	30.000	1	30.000	
51	Trịnh Võ Đức Duy	8A2	30.000	1	30.000	
52	Nguyễn Duy Đăng	8A2	30.000	1	30.000	
53	Nguyễn Thành Đạt	8A2	30.000	1	30.000	
54	Nguyễn Hoàng Phi Hùng	8A2	30.000	1	30.000	
55	Bùi Gia Huy	8A2	30.000	1	30.000	
56	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	8A2	30.000	1	30.000	
57	Văn Khiết Hữu	8A2	30.000	1	30.000	
58	Nguyễn Gia Khiêm	8A2	30.000	1	30.000	
59	Võ Anh Kiệt	8A2	30.000	1	30.000	
60	Dương Lê Trúc Ly	8A2	30.000	1	30.000	
61	Lê Nhật Nam	8A2	30.000	1	30.000	
62	Đào Nguyễn Kim Ngân	8A2	30.000	1	30.000	
63	Lê Thị Tuyết Ngân	8A2	30.000	1	30.000	
64	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	8A2	30.000	1	30.000	
65	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	8A2	30.000	1	30.000	
66	Trần Long Nhật	8A2	30.000	1	30.000	
67	Phạm Tấn Phát	8A2	30.000	1	30.000	
68	Nguyễn Châu Thanh Phụng	8A2	30.000	1	30.000	
69	Nguyễn Lê Uyên Phương	8A2	30.000	1	30.000	
70	Lê Thị Thanh Quế	8A2	30.000	1	30.000	
71	Bùi Văn Quý	8A2	30.000	1	30.000	
72	Nguyễn Hoàng Sang	8A2	30.000	1	30.000	
73	Trần Đức Tài	8A2	30.000	1	30.000	
74	Lâm Quốc Thái	8A2	30.000	1	30.000	
75	Lê Văn Phương Thảo	8A2	30.000	1	30.000	
76	Lê Ngọc Anh Thư	8A2	30.000	1	30.000	
77	Võ Anh Thư	8A2	30.000	1	30.000	
78	Phạm Thị Bảo Thy	8A2	30.000	1	30.000	
79	Trần Nguyễn Thị Bảo Thy	8A2	30.000	1	30.000	
80	Trần Trung Tín	8A2	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
81	Bùi Thị Yến Trang	8A2	30.000	1	30.000	
82	Bùi Nguyễn Anh Trí	8A2	30.000	1	30.000	
83	Nguyễn Đoàn Trinh	8A2	30.000	1	30.000	
84	Cao Anh Tuấn	8A2	30.000	1	30.000	
85	Đình Lê Khánh Vy	8A2	30.000	1	30.000	
86	Lý Trần Thảo Vy	8A2	30.000	1	30.000	
87	TRẦN KHA VINH	8A2	30.000	1	30.000	
88	Đoàn Thị Thủy An	8A3	30.000	1	30.000	
89	Nguyễn Vũ Hồng Anh	8A3	30.000	1	30.000	
90	Trần Văn Bảo	8A3	30.000	1	30.000	
91	Võ Ngọc Bảo Châu	8A3	30.000	1	30.000	
92	Hoàng Hà Trọng Dũng	8A3	30.000	1	30.000	
93	Huỳnh Đông Duy	8A3	30.000	1	30.000	
94	Bùi Ánh Dương	8A3	30.000	1	30.000	
95	Nguyễn Anh Hào	8A3	30.000	1	30.000	
96	Thái Anh Hào	8A3	30.000	1	30.000	
97	Trần Thu Hằng	8A3	30.000	1	30.000	
98	Lý Kim Huệ	8A3	30.000	1	30.000	
99	Văn Phú Huy	8A3	30.000	1	30.000	
100	Mã Thế Khải	8A3	30.000	1	30.000	
101	Trần Tuấn Khang	8A3	30.000	1	30.000	
102	Nguyễn Dương Anh Khoa	8A3	30.000	1	30.000	
103	Nguyễn Trần Đăng Khoa	8A3	30.000	1	30.000	
104	Võ Quốc Kiệt	8A3	30.000	1	30.000	
105	Nguyễn Gia Lạc	8A3	30.000	1	30.000	
106	Đỗ Phạm Pha Lê	8A3	30.000	1	30.000	
107	Lê Trần Diễm Mi	8A3	30.000	1	30.000	
108	Nguyễn Thị Kim Ngân	8A3	30.000	1	30.000	
109	Nguyễn Hoàng Nhân	8A3	30.000	1	30.000	
110	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	8A3	30.000	1	30.000	
111	Lê Minh Phú	8A3	30.000	1	30.000	
112	Trần Hùng Phúc	8A3	30.000	1	30.000	
113	Nguyễn Thị Hà Phương	8A3	30.000	1	30.000	
114	Trần Võ Quốc Quân	8A3	30.000	1	30.000	
115	Lương Tấn Thành	8A3	30.000	1	30.000	
116	Trương Thanh Thảo	8A3	30.000	1	30.000	
117	Nguyễn Văn Thiện	8A3	30.000	1	30.000	
118	Phạm Thị Minh Thư	8A3	30.000	1	30.000	
119	Phan Minh Thư	8A3	30.000	1	30.000	
120	Lê Lưu Thủy Tiên	8A3	30.000	1	30.000	
121	Phạm Quốc Toàn	8A3	30.000	1	30.000	
122	Phạm Hoàng Yến Trang	8A3	30.000	1	30.000	
123	Trần Hồng Trân	8A3	30.000	1	30.000	
124	Nguyễn Võ Tố Trinh	8A3	30.000	1	30.000	
125	Nguyễn Lam Trường	8A3	30.000	1	30.000	
126	Phan Anh Tuấn	8A3	30.000	1	30.000	
127	Nguyễn Lê Quang Vinh	8A3	30.000	1	30.000	
128	Nguyễn Ngọc Phương Vy	8A3	30.000	1	30.000	
129	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	8A3	30.000	1	30.000	
	Cộng khối 8 (129 hs)				3.870.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
1	Trịnh Văn Ái	9A1	30.000	1	30.000	
2	Trần Ngọc Bảo Anh	9A1	30.000	1	30.000	
3	Lê Gia Bảo	9A1	30.000	1	30.000	
4	Nguyễn Thị Kim Chi	9A1	30.000	1	30.000	
5	Trần Hoàng Kim Chi	9A1	30.000	1	30.000	
6	Huỳnh Trọng Duy	9A1	30.000	1	30.000	
7	Bùi Phúc Đại	9A1	30.000	1	30.000	
8	Phùng Nguyễn Kim Đào	9A1	30.000	1	30.000	
9	Phạm Tấn Đạt	9A1	30.000	1	30.000	
10	Đình Công Đức	9A1	30.000	1	30.000	
11	Võ Ngọc Hương Giang	9A1	30.000	1	30.000	
12	Nguyễn Thị Hạ	9A1	30.000	1	30.000	
13	Võ Nguyễn Gia Hân	9A1	30.000	1	30.000	
14	Nguyễn Bá Hiệp	9A1	30.000	1	30.000	
15	Đỗ Đông Hồ	9A1	30.000	1	30.000	
16	Nguyễn Minh Huy	9A1	30.000	1	30.000	
17	Lê Kỳ Bảo Khang	9A1	30.000	1	30.000	
18	Phạm Đăng Phúc Khương	9A1	30.000	1	30.000	
19	Nguyễn Võ Chang Kun	9A1	30.000	1	30.000	
20	Trần Ngọc Liễu	9A1	30.000	1	30.000	
21	Hà Đình Lương	9A1	30.000	1	30.000	
22	Phạm Nguyễn Thảo Ly	9A1	30.000	1	30.000	
23	Trần Phụng Mi	9A1	30.000	1	30.000	
24	Phan Nguyễn Hoàng Minh	9A1	30.000	1	30.000	
25	Lê Ngọc Kiều My	9A1	30.000	1	30.000	
26	Nguyễn Thị Thanh Ngân	9A1	30.000	1	30.000	
27	Võ Minh Nghĩa	9A1	30.000	1	30.000	
28	Huỳnh Thị Phương Nhi	9A1	30.000	1	30.000	
29	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	9A1	30.000	1	30.000	
30	Nguyễn Ngọc Ánh Như	9A1	30.000	1	30.000	
31	Trần Dương Tấn Phát	9A1	30.000	1	30.000	
32	Nguyễn Hữu Phước	9A1	30.000	1	30.000	
33	Nguyễn Như Quỳnh	9A1	30.000	1	30.000	
34	Tô Nguyễn Thanh Tấn	9A1	30.000	1	30.000	
35	Huỳnh Gia Thiện	9A1	30.000	1	30.000	
36	Cù Thị Thu	9A1	30.000	1	30.000	
37	Nguyễn Hoàng Mỹ Thu	9A1	30.000	1	30.000	
38	Trần Lê Anh Thu	9A1	30.000	1	30.000	
39	Phạm Lê Hoài Thương	9A1	30.000	1	30.000	
40	Lê Thị Bích Trâm	9A1	30.000	1	30.000	
41	Võ Minh Trí	9A1	30.000	1	30.000	
42	Tăng Phương Trinh	9A1	30.000	1	30.000	
43	Nguyễn Ngọc Thủy Trúc	9A1	30.000	1	30.000	
44	Nguyễn Trịnh Thanh Trúc	9A1	30.000	1	30.000	
45	Nguyễn Anh Tuấn	9A1	30.000	1	30.000	
46	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	9A1	30.000	1	30.000	
47	Ngô Quốc Việt	9A1	30.000	1	30.000	
48	Võ Nguyễn Quỳnh Anh	9A2	30.000	1	30.000	
49	Nguyễn Ngọc Ánh	9A2	30.000	1	30.000	
50	Lê Minh Gia Bảo	9A2	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
51	Nguyễn Thái Bảo	9A2	30.000	1	30.000	
52	Bùi Trung Chánh	9A2	30.000	1	30.000	
53	Nguyễn Tăng Thanh Duy	9A2	30.000	1	30.000	
54	Trương Lê Mộng Duy	9A2	30.000	1	30.000	
55	Nguyễn Thị Kim Duyên	9A2	30.000	1	30.000	
56	Trần Thị Xuân Đào	9A2	30.000	1	30.000	
57	Nguyễn Hoàng Minh Đức	9A2	30.000	1	30.000	
58	Nguyễn Hằng Hân	9A2	30.000	1	30.000	
59	Nguyễn Võ Ngọc Hân	9A2	30.000	1	30.000	
60	Võ Thị Ngọc Hân	9A2	30.000	1	30.000	
61	Nguyễn Minh Hiểu	9A2	30.000	1	30.000	
62	Trần Gia Huy	9A2	30.000	1	30.000	
63	Trương Đăng Huy	9A2	30.000	1	30.000	
64	Nguyễn Chí Khanh	9A2	30.000	1	30.000	
65	Hồ Đăng Khoa	9A2	30.000	1	30.000	
66	Trần Phú Khương	9A2	30.000	1	30.000	
67	Lê Thị Ngọc Linh	9A2	30.000	1	30.000	
68	Lâm Phi Long	9A2	30.000	1	30.000	
69	Trương Văn Minh	9A2	30.000	1	30.000	
70	Phạm Thị Hồng Ngân	9A2	30.000	1	30.000	
71	Nguyễn Lý Khôi Nguyên	9A2	30.000	1	30.000	
72	Lê Ngọc Kiều Nhi	9A2	30.000	1	30.000	
73	Nguyễn Kim Nhi	9A2	30.000	1	30.000	
74	Trần Thị Quỳnh Như	9A2	30.000	1	30.000	
75	Phan Đăng Kiều Oanh	9A2	30.000	1	30.000	
76	Võ Hoàng Phúc	9A2	30.000	1	30.000	
77	Nguyễn Minh Phụng	9A2	30.000	1	30.000	
78	Nguyễn Hoàng Sơn	9A2	30.000	1	30.000	
79	Lê Hoàng Tiến Thành	9A2	30.000	1	30.000	
80	Lê Như Thảo	9A2	30.000	1	30.000	
81	Nguyễn Lê Minh Thư	9A2	30.000	1	30.000	
82	Huỳnh Thương	9A2	30.000	1	30.000	
83	Hoàng Ngọc Bảo Thy	9A2	30.000	1	30.000	
84	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	9A2	30.000	1	30.000	
85	Trần Thủy Tiên	9A2	30.000	1	30.000	
86	Huỳnh Trọng Tín	9A2	30.000	1	30.000	
87	Trần Trung Tính	9A2	30.000	1	30.000	
88	Trần Huyền Trân	9A2	30.000	1	30.000	
89	Phùng Nguyễn Kim Trúc	9A2	30.000	1	30.000	
90	Phan Cẩm Tú	9A2	30.000	1	30.000	
91	Nguyễn Thanh Tuấn	9A2	30.000	1	30.000	
92	Nguyễn Hà Văn	9A2	30.000	1	30.000	
93	Ngô Phương Thảo Vy	9A2	30.000	1	30.000	
94	Nguyễn Minh Cảnh	9A3	30.000	1	30.000	
95	Phan Ngọc Minh Châu	9A3	30.000	1	30.000	
96	Trần Nguyễn Lan Chi	9A3	30.000	1	30.000	
97	Trần Mạnh Dũng	9A3	30.000	1	30.000	
98	Nguyễn Thành Đạt	9A3	30.000	1	30.000	
99	Dương Phạm Quỳnh Giang	9A3	30.000	1	30.000	
100	Ngô Huỳnh Hoàng Giang	9A3	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
101	Nguyễn Huỳnh Thanh Hà	9A3	30.000	1	30.000	
102	Nguyễn Hoàng Ngọc Hân	9A3	30.000	1	30.000	
103	Bùi Mai Xuân Hiếu	9A3	30.000	1	30.000	
104	Huỳnh Gia Huy	9A3	30.000	1	30.000	
105	Phan Văn Khải	9A3	30.000	1	30.000	
106	Võ Bảo Khanh	9A3	30.000	1	30.000	
107	Lê Trần Anh Khoa	9A3	30.000	1	30.000	
108	Cao Anh Kiệt	9A3	30.000	1	30.000	
109	Phan Thị Thu Kiều	9A3	30.000	1	30.000	
110	Mai Nguyễn Khánh Linh	9A3	30.000	1	30.000	
111	Trần Khánh Ly	9A3	30.000	1	30.000	
112	Nguyễn Công Minh	9A3	30.000	1	30.000	
113	Trần Nguyễn Hoài Nam	9A3	30.000	1	30.000	
114	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	9A3	30.000	1	30.000	
115	Nguyễn Thị Xuân Nghĩa	9A3	30.000	1	30.000	
116	Dương Thành Nhân	9A3	30.000	1	30.000	
117	Nguyễn Lê Yến Nhi	9A3	30.000	1	30.000	
118	Nguyễn Yến Nhi	9A3	30.000	1	30.000	
119	Nguyễn Gia Phúc	9A3	30.000	1	30.000	
120	Vũ Mai Phương	9A3	30.000	1	30.000	
121	Hà Văn Sang	9A3	30.000	1	30.000	
122	Lê Thành Tài	9A3	30.000	1	30.000	
123	Nguyễn Thanh Thảo	9A3	30.000	1	30.000	
124	Nguyễn Hoàng Thời	9A3	30.000	1	30.000	
125	Bùi Minh Thư	9A3	30.000	1	30.000	
126	Nguyễn Ngọc Anh Thư	9A3	30.000	1	30.000	
127	Phạm Thị Thu Trang	9A3	30.000	1	30.000	
128	Đặng Ái Trâm	9A3	30.000	1	30.000	
129	Nguyễn Minh Trí	9A3	30.000	1	30.000	
130	Lê Thanh Trúc	9A3	30.000	1	30.000	
131	Trần Đức Trung	9A3	30.000	1	30.000	
132	Trần Minh Tuấn	9A3	30.000	1	30.000	
133	Trần Thị Bích Tuyền	9A3	30.000	1	30.000	
134	Nguyễn Quốc Việt	9A3	30.000	1	30.000	
135	Phạm Thị Yến Vy	9A3	30.000	1	30.000	
136	Trịnh Nguyễn Thủy Vy	9A3	30.000	1	30.000	
137	Huỳnh Đức Lâm	9A3	30.000	1	30.000	
	Cộng khối 9 (137 hs)				4.110.000	
	Tổng cộng				17.280.000	

Số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng

Trung Lập Hạ, ngày tháng năm 2022

Người lập bảng

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Thủ trưởng đơn vị

Hồ Thị Thu Thủy

